

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HS-PT

Ngày: 13 - 7 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Hiệp

*Các thẩm phán:*

Bà Bùi Thị Thảo

Ông Tô Văn Thịnh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ninh Thị Thanh Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Nhâm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 35/2021/TLPT - HS ngày 10 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo Phạm Văn T, Đỗ Ngọc H do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2021/HS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

**\* Các bị cáo có kháng cáo:**

**1. Phạm Văn T**, sinh năm 1993, tại thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: thôn 7, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị S; chưa có vợ, con; tiền sự: Không;

Tiền án: Tại Bản án số 41/HSST ngày 20/9/2013, Phạm Văn T bị Tòa án nhân dân thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Ninh Bình xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/9/2018;

Nhân thân: Ngày 31/3/2013, Phạm Văn T bị Công an xã Đ, thị xã T (nay là thành phố T) xử phạt vi phạm hành chính “Cảnh cáo” về hành vi “Đánh nhau”; bị cáo bị tạm giam kể từ ngày 22/7/2020 đến nay tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình (có mặt).

**2. Đỗ Ngọc H**, sinh năm 1986, tại thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Tổ dân phố G, phường Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đỗ Như Đ và bà Nguyễn Thị C; chưa có vợ, con; tiền sự: Không;

Tiền án:

- Tại Bản án số 09/2013/HS-ST ngày 29/01/2013 của Tòa án nhân dân quận Ln, thành phố H Đỗ Ngọc H bị xử phạt 24 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” bị truy thu số tiền 20.000.000 đồng do phạm tội mà có. Tổng hợp với hình phạt 18 tháng tù tại Bản án số: 43/2012/HS-ST ngày 31/10/2012 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Ninh Bình, buộc Đỗ Ngọc H phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 03 năm 06 tháng tù. Đã chấp hành xong hình phạt tù, chưa nộp số tiền 20.000.000 đồng do phạm tội mà có.

Tại Bản án số: 110/2013/HS-ST ngày 26/4/2013 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố H Đỗ Ngọc H bị xử phạt 24 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị truy thu 17.000.000 đồng sung quỹ nhà nước. Tổng hợp với hình phạt 03 năm 06 tháng tù tại Bản án số: 09/2013/HSST ngày 29/01/2013 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố H, buộc Đỗ Ngọc H phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 05 năm 06 tháng tù. Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/02/2018, chưa nộp số tiền 17.000.000 đồng sung quỹ nhà nước;

Nhân thân:

- Tại Bản án số: 317/2007/HS-ST ngày 21/11/2007, Đỗ Ngọc H bị Tòa án nhân dân quận B, thành phố H xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/9/2008 (đã được xóa án tích).

- Tại Bản án số: 43/2012/HS-ST ngày 31/10/2012 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Ninh Bình, Đỗ Ngọc H bị xử phạt 18 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/02/2018 (đã được xóa án tích).

- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 89/QĐ-XPHC ngày 21/01/2009, Đỗ Ngọc H bị Công an phường T, thị xã (nay là thành phố T), tỉnh Ninh Bình xử phạt 300.000 đồng, về hành vi “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 21/01/2009 (đã đủ điều kiện được coi như chưa bị xử phạt hành chính).

- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 229/QĐ-XPHC ngày 30/10/2018, Đỗ Ngọc H bị Công an thành phố T xử phạt 600.000 đồng về hành vi “Đánh nhau”, chấp hành xong ngày 05/11/2018 (đã đủ điều kiện được coi như chưa bị xử phạt hành chính).

- Tại Bản án số: 73/2020/HS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, Đỗ Ngọc H bị xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/6/2020.

Bị cáo Đỗ Ngọc H hiện nay đang chấp hành hình phạt tù của Bản án số: 73/2020/HS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T:*

+ Ông Hoàng Doanh Trung - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH IVYLAWS A&A thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

+ Ông Trần Văn Hiếu và Ông Trần Đại Phong - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Khang Thái thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Lý Thu H1, sinh ngày 17/8/2004, nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện V, tỉnh Lào Cai (vắng mặt).

+ *Người đại diện hợp pháp của chị Lý Thu H1*: anh Lý Xuân L, sinh năm 1972, nơi cư trú: thôn K, xã S, huyện V, tỉnh Lào Cai - là bố đẻ của chị Lý Thu H (vắng mặt).

+ *Chị Đinh Thị U*, sinh ngày 19/7/2004, nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

+ *Người đại diện hợp pháp của chị Đinh Thị U*: Anh Đinh Văn H, sinh năm 1977, nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Ninh Bình - là bố đẻ của chị Đinh Thị U (vắng mặt).

- *Người làm chứng*: Chị Khâu Thị D; chị Hoàng Thị D; anh Hoàng Ngọc T1; anh Đinh Quang D; anh Phạm Văn N và anh Phạm Ngọc T2 (đều vắng mặt);

- *Người chứng kiến*: Anh Ngô Văn Đ (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Ngọc Hòa và Phạm Văn T quen biết nhau khi cùng chấp hành án phạt tù. Sau khi ra tù, H đứng ra quản lý và điều hành các nữ nhân viên đến các quán hát Karaoke trên địa bàn thành phố T, phục vụ (rót bia, chọn bài hát...) cho khách để lấy tiền, trong đó có các chị Lý Thu H - sinh ngày 17/8/2004, Đinh Thị U - sinh ngày 19/7/2004, và Khâu Thị D (thường gọi là B, L, N) - sinh năm 2004. Các chị U và D trọ cùng dãy nhà trọ với H ở tổ 1, phường T, thành phố T, chị H trọ tại tổ dân phố G, phường Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

Tối ngày 13/6/2020, Phạm Văn T đi uống rượu cùng bạn, sau đó hát Karaoke tại quán Seoul thuộc phường T, thành phố T. Tại đây T và nhóm bạn đã thuê nữ nhân viên hát và bấm bài, trong đó có chị Khâu Thị D là nhân viên do Đỗ Ngọc H quản lý. Đến khoảng 00 giờ ngày 14/6/2020, T nảy sinh ý định đi “bay lắc”, tức là tổ chức sử dụng ma túy trong phòng có nhạc để nhảy múa, “bay lắc”. Biết H có thể sắp xếp được nhân viên nữ cùng tham gia, T đến nhà trọ của H ở tổ 1, phường T, thành phố T. Tại phòng khách của nhà trọ, T bảo H bố trí cho mấy con em để đi “bay”, có nghĩa là bố trí mấy nữ nhân viên đi cùng sử dụng ma túy để “bay lắc” theo tiếng nhạc và bảo H rủ chị Khâu Thị D đi “bay lắc” cùng với T. H và T nói chuyện, thống nhất với nội dung rủ một số nhân viên nữ đi “bay” và phải trả tiền cho nhân viên do H bỏ tiền ra trước, sau đó cả hai chia nhau. T đi sang phòng của chị Khâu Thị D (T chỉ biết tên hay gọi là N) rủ D đi sử dụng ma túy “bay lắc” nhưng D từ chối. T quay lại phòng khách nói với H về việc T rủ nhưng D không đi “bay”, ngay sau đó H sang phòng rủ D đi “bay”, D cũng từ chối không đi “bay”. H nói với T về việc D không đi thì sẽ không ép, mà sẽ bố trí người khác. H gọi U ra phòng khách và rủ U đi “bay”, U đồng ý. H bảo U đợi để chuẩn bị “đồ” tức là chuẩn bị ma túy để sử dụng, sau đó U vào phòng trọ nằm nghỉ. Lúc này, T nói với H là để T chuẩn bị ma túy, thường gọi là “kẹo” và “ke”. T sử dụng số điện thoại 0963575135 gọi điện đến số 0967574789 của anh Hoàng Ngọc T1 là nhân viên quản lý quán Karaoke Mimosa ở xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình hỏi có phòng hát không. Anh T1 nói quán nghỉ không có phòng hát. T nhờ anh T1 mua hộ “đồ” tức là mua ma túy “kẹo và ke”, anh T1 nói không mua được. Sau đó T tiếp tục sử dụng số điện

thoại 0963575135 gọi điện đến số 0945320111 của anh Phạm Văn N là nhân viên khách sạn Hồng Kông, thuộc thôn D, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định hỏi thuê phòng, anh N trả lời với T khách sạn đã hết phòng. T sử dụng số điện thoại 0963575135 gọi điện đến số 0969066555 của anh Đinh Quang D1 là lái xe taxi để thuê nhưng anh D1 nói không đi được. Sau đó T gọi điện qua ứng dụng Messenger cho một người bạn mới quen có tài khoản “Sơn Dân” để hỏi mua ma túy “keo và ke”, T hỏi mua được ma túy “ke” với giá 2.300.000 đồng “một chỉ ke”, không mua được ma túy “keo” và hẹn nhau nhận ma túy ở cổng Trường Cao đẳng nghề Cơ giới Ninh Bình. T có nói với H “Chỉ mua được ke, không có keo, anh lấy được ở đâu thì lấy”. Sau đó T ra khu vực cổng Trường Cao đẳng nghề Cơ giới Ninh Bình gặp người mang 02 túi ma túy “ke” đến, T cầm ma túy và quay lại nhà trọ nói với H về việc đã lấy được 02 túi ma túy “ke”. Lúc này H điện cho người không quen biết ở xã M, huyện Y hỏi mua 2 viên ma túy “keo” với giá 800.000 đồng và hẹn mang đến cổng Trường Cao đẳng nghề Cơ giới Ninh Bình. Sau đó H sử dụng số điện thoại 0985253135 lắp trên máy điện thoại Iphone 6 Plus gọi điện đến số 0974596469 của Nguyễn Văn B là người làm thuê cho H. H nói với B ra khu vực cổng trường Cao đẳng nghề Cơ giới Ninh Bình gặp người mang ma túy “keo” đến thì cầm mang về cho Hòa. Bắc đi ra khu vực cổng trường Cao đẳng nghề Cơ giới Ninh Bình gặp một người đàn ông không quen biết, đeo khẩu trang đưa 01 túi nilon bên trong có 2 viên ma túy “keo” dạng viên nén màu hồng, B cầm về nhà trọ đưa cho H.

Sau khi có ma túy “keo” và “ke”, vào lúc 02 giờ 06 phút và 02 giờ 09 phút ngày 14/6/2020, H sử dụng số điện thoại 0985253135 gọi điện đến số 02293636363 là số tổng đài hãng taxi M Ninh Bình để thuê xe taxi. Anh Phạm Ngọc T2 là lái xe taxi 35A-06135 được công ty điều động đến đón khách. Lúc 02 giờ 17 phút ngày 14/6/2020, H sử dụng điện thoại Iphone 6 lắp sim số 0965790007 gọi điện đến số 0964920713 của chị Hoàng Thị D2 là nhân viên do H quản lý, trọ cùng phòng với Lý Thu H1 ở tổ dân phố G, phường Y, H nói cho gặp H (do điện thoại của H bị hỏng đang nhờ H cầm đi sửa). H rủ H1 đi “bay” và bảo H1 chuẩn bị trang điểm, thay quần áo để H sang đón, H1 hiểu là đi sử dụng ma túy để “bay lắc” nên đồng ý. H, U, T, đi taxi của anh T2 đến đón H1. Khi lên xe T ngồi ở ghế trước bên phụ, H và U ngồi ghế sau, H mang theo 01 loa kéo, 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng và mang thêm 01 túi ma túy “ke” của H đã dùng từ lần trước còn thừa với mục đích sử dụng. Đón được H1, H1 ngồi ghế sau cùng H và U, trên xe T nói với H, U, H1 lên khách sạn Thành Thảo, ở tổ 3, phường B, thành phố T thì H nói với mọi người lên khách sạn Thúy Vân, ở tổ 11, phường B, thành phố T chơi cho sạch sẽ.

Đến khách sạn Thúy Vân, T trả tiền xe taxi; H, U, H1 đi vào khách sạn đến khu vực quầy lễ tân gặp anh Ngô Văn Đ là quản lý khách sạn. H thuê 02 phòng 603 và 702 với giá một triệu đồng, T đi vào khu quầy lễ tân, kéo loa đi cùng U, H1 đến chỗ cửa thang máy. Sau khi làm xong thủ tục thuê phòng, H cầm chìa khóa phòng đi vào thang máy và bảo mọi người vào chung phòng 603 để sử dụng ma túy và “bay lắc”. T kéo loa vào phòng, tại đây H đặt loa kéo dưới vị trí ti vi treo trên tường, giữa 2 giường, cắm điện vào loa, bật nhạc điện thoại và phát qua ứng dụng Bluetooth đến loa kéo. Lúc này T lấy ra 02 túi nilon có ma

túi “ke” vừa mua được bỏ ra mặt bàn kê giữa 2 giường trong phòng, H lấy ra hai viên ma túy “keo”, đưa cho T một viên để T sử dụng cùng với H1, T cầm viên ma túy song do mệt nên không sử dụng mà đưa cả viên ma túy “keo” cho H1 để H1 sử dụng, còn H bỏ đôi viên ma túy “keo” còn lại sử dụng một nửa và đưa cho U một nửa. H, U, H1 sử dụng ma túy “keo” bằng cách cho vào miệng rồi uống với nước sau đó nghe nhạc lắc lư. Do cần phải có đèn, đĩa để sử dụng ma túy “ke”, vào lúc 02 giờ 39 phút cùng ngày, H sử dụng điện thoại lắp sim số 0965790007 gọi điện đến số 0974596469 của B, nhờ B đến phòng trọ lấy dụng cụ gồm: đèn nhiều màu sắc và đĩa sứ, mang lên cho H. B đi cùng một người tên Tài (chưa xác định được tên đầy đủ và địa chỉ) về phòng trọ của H ở tổ 1, phường T, thành phố T lấy 01 đèn nhiều màu sắc, 02 đĩa sứ, cầm lên cổng khách sạn Thúy Vân, B gọi điện thoại cho H xuống lấy. H xuống gặp B và lấy 01 đèn, 02 đĩa sứ mang lên phòng 603, còn Bắc và người tên Tài đi về. Tại phòng 603 H lấy 1 túi ma túy “ke” do T bỏ ra mặt bàn từ trước, đổ ra đĩa sứ màu trắng dạng hình tròn, dùng bật lửa ga đốt bên dưới đáy đĩa để cho ma túy “ke” tan ra thành dạng bột, rồi dùng thẻ căn cước công dân của H đảo ma túy “ke” tức là “xào ke”, sau đó gạt ma túy “ke” thành các đường thẳng nhỏ rồi H đưa đĩa ma túy “ke” và ống hút cho T, U, H1 lần lượt hít ma túy “ke” qua mũi, H cũng sử dụng ống hút và hít 02 đường ma túy “ke” qua mũi. H, T, U và H1 cùng nhảy múa, lắc lư trong tiếng nhạc và đèn nhấp nháy trong phòng. Một lúc sau H tiếp tục lấy túi ma túy “ke” còn lại để ở mặt bàn do T bỏ ra từ trước, đổ ra đĩa sứ hình bầu dục, tiếp tục “xào ke”, gạt ma túy “ke” thành các đường thẳng nhỏ trên đĩa và để ống hút cùng đĩa ma túy “ke” trên chiếc loa kéo tay và bảo T, H1 và U đến sử dụng, rồi tiếp tục nhảy múa lắc lư trong phòng. Đến 05 giờ 30 phút cùng ngày, tổ công tác Công an thành phố T tiến hành kiểm tra hành chính phòng 603 khách sạn Thúy Vân phát hiện, tiến hành lập biên bản sự việc. Tại phòng 603 H, T, U và H1 đều khai nhận đã tổ chức cùng nhau sử dụng ma túy “keo, ke” để “bay lắc”. Tổ công tác phát hiện và tiến hành thu giữ 01 loa kéo hình hộp chữ nhật, 01 đèn nhấp nháy nhiều màu sắc dạng hình bán cầu; 04 vỏ chai nước lọc; 02 đĩa sứ trên bề mặt đĩa đều bám dính chất tinh thể màu trắng, bề mặt dưới có muôi khối đen; 01 bật lửa ga; 01 ống hút (được cuộn bằng tờ tiền 20.000đồng); dưới nền phòng có 02 vỏ túi nilon nhỏ cùng kích thước (2x2,5)cm đã bị xé một đầu, bên trong đều bám dính chất tinh thể màu trắng; 01 túi nilon kích thước (3x2)cm bị xé rách một đầu; 03 đầu túi nilon viền xanh. H, T, U và H1 đều khai nhận các vỏ, đầu túi nilon nói trên là túi đựng ma túy “keo” và “ke” xé ra để lấy ma túy cùng sử dụng. Ngoài ra, H tự lấy trong túi quần bên trái phía trước đang mặc ra một tờ tiền mệnh giá 1000 đồng được gấp vo lại và khai nhận bên trong có ma túy “ke” mang theo với mục đích sử dụng giao nộp cho tổ công tác. Tổ công tác mở tờ tiền phát hiện có 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng, sau đó tiến hành thu giữ, niêm phong theo quy định. Ngoài ra tổ công tác còn tạm giữ các đồ vật tài sản gồm:

- Thu giữ của Đỗ Ngọc H: 01 ví màu nâu đã qua sử dụng; 01 căn cước công dân mang tên Đỗ Ngọc H; 01 điện thoại di động Iphone 6 plus màu trắng, trong máy lắp sim viettel có số thuê bao 0985253135; 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng, trong máy lắp sim viettel có số thuê bao 0965790007 đã qua

sử dụng; 01 điện thoại di động Iphone 7 plus màu đen, điện thoại bị hỏng không sử dụng được (do H giữ hộ chị H1) và 17.089.000 đồng (Mười bảy triệu không trăm tám mươi chín nghìn đồng).

- Thu giữ của Phạm Văn T: 01 điện thoại di động Iphone X màu đen đã qua sử dụng, trong máy lắp sim viettel có số thuê bao 0963575135 và số tiền 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Thu giữ của Đinh Thị U: 01 điện thoại Oppo màu vàng đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 sim có số thuê bao 0374021115 và số tiền 201.000 đồng (Hai trăm linh một nghìn đồng).

- Thu giữ của Lý Thu H1: 560.000 đồng (Năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tại trụ sở cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiến hành mở niêm phong, cân xác định khối lượng chất tinh thể màu trắng bên trong túi nilon thu giữ của Đỗ Ngọc H có khối lượng là 0,30 gam, ký hiệu M1. Kiểm tra các vỏ túi nilon kích thước (2,5x2) cm, bên trong đều có bám dính chất tinh thể màu trắng được ký hiệu M2, M3. Các mẫu M1, M2, M3 được niêm phong trong phong bì giấy dán kín theo quy định. Sau đó gửi các mẫu M1, M2, M3 và thùng bìa carton được niêm phong bên trong có 02 đĩa sứ bám dính chất tinh thể màu trắng để giám định.

Tại Bản kết luận giám định số 156/KLGD-PC09-MT, ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình, kết luận:

- Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng bám dính trong hai vỏ túi nilon ký hiệu M2, M3 và trên hai đĩa sứ gửi giám định đều là ma túy, loại Ketamine. Lượng Ketamine bám dính đều ít, không xác định được khối lượng.

- Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng gửi giám định ký hiệu M1 có khối lượng 0,2900 (không phẩy hai nghìn chín trăm) gam, là ma túy, loại Ketamine.

Ketamine là chất ma túy thuộc bảng Danh mục III, số thứ tự 35; Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiến hành xét nghiệm nước tiểu xác định: Đỗ Ngọc H, Lý Thu H1 và Đinh Thị U đều dương tính với các chất ma túy Ketamine và MDMA, Phạm Văn T dương tính với Ketamine.

Tiến hành xác minh tình trạng nghiện ma túy của Đỗ Ngọc H, Phạm Văn T, Lý Thu H1 và Đinh Thị U. Kết quả H, T, H1 và U chưa bị đưa đi cai nghiện bắt buộc, chưa tham gia cai nghiện tự nguyện tại cộng đồng, gia đình. Ngày 23/6/2020, Bệnh viện tâm thần tỉnh Ninh Bình có phiếu trả lời kết quả xác định H, T, H1 và U đều không phải là người nghiện ma túy.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 15/2021/HS-ST ngày 09/4/2021 Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Ninh Bình đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T, Đỗ Ngọc H phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b, c và h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T.

Căn cứ điểm b, c và h khoản 2 Điều 255; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Ngọc Hòa.

Xử phạt các bị cáo Phạm Văn T, Đỗ Ngọc H mỗi bị cáo 10 (Mười) năm tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn xử lý vật chứng và quyết định về án phí, quyền kháng cáo cho các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/4/2021 bị cáo Phạm Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng và nội dung vụ án không đúng quy định của pháp luật; ngày 13/4/2021 bị cáo Đỗ Ngọc H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, Đỗ Ngọc H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; bị cáo Phạm Văn T thay đổi yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và thành khẩn khai báo đúng về hành vi bị cáo đã thực hiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng các bị cáo đã nhận tội đúng như bản án sơ thẩm đã nêu. Sau khi phân tích đánh giá tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm b, c và h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Ngọc H và Phạm Văn T; Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 15/2021/HS-ST ngày 09/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Ninh Bình về phần hình phạt tù đối với các bị cáo Đỗ Ngọc H, Phạm Văn T.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 09 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 22/7/2020;

Xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc H 09 năm 06 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 04 năm 06 tháng tù tại Bản án số: 73/2020/HS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Ninh Bình, buộc bị cáo Đỗ Ngọc H phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 14 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/6/2020.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo Phạm Văn T và Đỗ Ngọc H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo H và T nói lời sau cùng, đều xin nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về với xã hội.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn T, Đỗ Ngọc H làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Văn T thừa nhận hành vi phạm tội



như bản án sơ thẩm đã xét xử và cho rằng bị cáo không bị oan; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T cho rằng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T đã thay đổi lời khai khác với phiên tòa sơ thẩm nên chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo đề nghị bị cáo; ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo T không thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã xét xử nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Thịnh thừa nhận lời khai của bị cáo H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là đúng sự thật khách quan; bị cáo cũng thừa nhận không bị ép cung, mớm cung, dùng nhục hình trong quá trình điều tra; Bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan.

Như vậy, lời khai nhân tội của các bị cáo Đỗ Ngọc H và Phạm Văn T phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã nêu; phù hợp với lời khai của Khâu Thị D, chị Lý Thu H1, chị Đinh Thị U; anh Ngô Văn Đ là người quản lý khách sạn và hiện trường vụ án khi bị Công an thành phố T tiến hành kiểm tra hành chính tại phòng 603 thì phát hiện H, T, U và H1 đang tổ chức cùng nhau sử dụng ma túy “keo” và “ke” để “bay lắc”; ngoài ra, còn phù hợp với những lời khai của những người làm chứng cùng tài liệu có trong hồ sơ vụ án

Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận: Rạng sáng ngày 14/6/2020, Phạm Văn T đến nhà trọ của Đỗ Ngọc H rủ Đỗ Ngọc H và bảo H bố trí nhân viên nữ cùng đi sử dụng trái phép chất ma túy (dưới hình thức “bay lắc”), thống nhất và phân công nhau: H bố trí nhân viên, tạm thời bỏ tiền ra để phục vụ việc “bay lắc” còn T chuẩn bị ma túy, cả hai bị cáo còn thống nhất chỉ mua 01 chỉ Ketamine (Ke) và 02 viên MDMA (Keo), số tiền phục vụ việc “bay lắc” hết bao nhiêu sẽ chia đôi, mỗi người một nửa, T sẽ trả cho H sau. Sau khi, T và H rủ Khâu Thị D nhưng D không đi, Đỗ Ngọc H rủ chị U và chị H1 đi “bay”, sử dụng ma túy thì U và H1 đồng ý, thể hiện tại lời khai của Đỗ Ngọc H, Đinh Thị U và Lý Thu H1.

Sau đó, Phạm Văn T dùng điện thoại gọi đi một số nơi để hỏi mua ma túy, nhưng chỉ mua được 01 chỉ Ketamine được bỏ trong 02 túi nilon nhỏ. H đã gọi điện cho một người không quen biết mua được 02 viên ma túy keo được đựng trong 01 túi nilon. H nhờ B lấy ma túy mang về nhà trọ cho H.

Sau khi bị cáo Phạm Văn T tìm địa điểm để tổ chức sử dụng ma túy và “bay lắc” tại các quán Karaoke nhưng không được, các bị cáo T và H cùng thống nhất đi nhà nghỉ để sử dụng ma túy, “bay lắc”. H điện thoại cho hãng taxi Mai Linh hẹn đón tại khu vực đối diện cổng Trường Cao đẳng nghề Cơ giới Ninh Bình. Một lúc sau xe taxi do anh Phạm Ngọc T2 đến, bị cáo H cùng T và chị U ra vị trí lên xe taxi. Trên đường đi bị cáo H chỉ đường cho anh T2 chở đến nhà trọ khác đón chị H1. Trên xe taxi bị cáo T nói đến khách sạn Thành Thảo thì bị cáo H nói đến khách sạn Thúy Vân cho sạch sẽ. Đến cửa khách sạn Thúy Vân, tất cả xuống xe, bị cáo T trả tiền xe taxi 70.000 đồng đưa cho anh T2 (đồng hồ báo hết 64.000 đồng) nhưng bị cáo T không lấy lại tiền thừa. Tất cả nội dung trên thể hiện trong nội dung lời khai của anh Phạm Ngọc T – lái xe taxi (BL 378 – 379); bản tự khai, lời khai của bị cáo Đỗ Ngọc H (BL 221 – 222); lời khai của chị Lý Thu H (BL 316 đến BL 318 và BL 335 – 336); lời khai của chị Đinh Thị



U (BL 229 - 293, BL 363 – 364 và BL 307 – 308).

Đến khách sạn Thúy Vân, bị cáo H vào thuê phòng, bị cáo T xách chiếc loa kéo thay cho bị cáo H đi cùng chị H1 và chị U đợi bị cáo H làm thủ tục thuê phòng. Bị cáo H thuê 02 phòng 603 và 702. Tại phòng 603, bị cáo T bỏ 02 túi ma túy Ketamine ra bàn, bị cáo H lấy túi ma túy kẹo (MDMA) lấy 01 viên đưa cho bị cáo T, còn 01 viên bẻ đôi đưa cho chị U dùng một nửa uống cùng nước lọc, còn một nửa bị cáo H dùng uống cùng nước lọc. Bị cáo T cầm viên ma túy kẹo (MDMA) bị cáo H đưa nhưng bị cáo T không dùng mà đưa cả cho chị H sử dụng uống cùng nước lọc. Do không có dụng cụ để “xào ke”, bị cáo H gọi điện nhờ anh B lấy đèn, đĩa mang đến khách sạn Thúy Vân cho H. Lấy được đèn, đĩa bị cáo H cầm đèn nháy rồi bắt đầu “xào” Ketamine. Bị cáo xào và gạt Ketamine thành các đường nhỏ rồi lấy ống hút được cuộn sẵn bằng tờ tiền 20.000 đồng mang đến cho bị cáo T, chị U, chị H1 lần lượt sử dụng bằng cách hít qua lỗ mũi. Sau đó tất cả nhảy múa, lắc lư theo nhạc. Khi sử dụng hết số ma túy ở đĩa bị cáo H tiếp tục đổ túi Ketamine còn lại ra chiếc đĩa sứ khác và lại “xào” Ketamine như trước, tất cả sử dụng bằng cách hít ma túy “ke” qua lỗ mũi rồi nhảy múa, lắc lư theo tiếng nhạc.

Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo Đỗ Ngọc H và bị cáo Phạm Văn T xảy ra ngày 14/6/2020 đã cùng thống nhất, phân công nhau rủ chị U, chị H1 đi sử dụng trái phép chất ma túy, mua ma túy loại Ketamine và MDMA, chuẩn bị phương tiện, dụng cụ, tìm địa điểm và đưa ma túy MDMA và dùng lửa hơ nóng Ketamine để chị Lý Thu H1 - sinh ngày 17/8/2004 (15 tuổi 9 tháng 27 ngày) và Đinh Thị U - sinh ngày 19/7/2004 (15 tuổi 10 tháng 25 ngày) sử dụng trái phép, tại phòng 603, khách sạn Thúy Vân, thuộc tổ 11, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Đỗ Ngọc H và Phạm Văn T đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b, c và h khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của Đỗ Ngọc H, Phạm Văn T xin giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử thấy rằng tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo H và T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như lời khai lúc ban đầu tại cơ quan điều tra; các bị cáo đã khai, thừa nhận là có việc bị cáo T rủ H cùng thống nhất đi nhà nghỉ để sử dụng ma túy, “bay lắc”.

Tại cấp sơ thẩm bị cáo H chỉ thừa nhận một phần hành vi phạm tội của mình còn T không thừa nhận. Do đó bản án sơ thẩm đã không áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo đều có 3 tình tiết tăng nặng định khung hình phạt là các điểm b, c và h khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo Phạm Văn T, Đỗ Ngọc H mỗi bị cáo 10 năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm Phạm Văn T, Đỗ Văn H đều đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như lời khai lúc ban đầu tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Bị cáo T còn là lao động chính trong gia đình chỉ có mẹ già và bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật

Hình sự cần được xem xét áp dụng cho các bị cáo khi quyết định hình phạt. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo H và T, giảm nhẹ một phần hình phạt tù của bản án sơ thẩm để các bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội. là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn T, Đỗ Ngọc H được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm b, c và h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**1.**Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Ngọc H và Phạm Văn T; Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 15/2021/HS-ST ngày 09/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Ninh Bình về phần hình phạt tù đối với các bị cáo Đỗ Ngọc H và Phạm Văn T.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 09 (Chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 22/7/2020;

Xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc H 09 (Chín) năm tù.Tổng hợp với hình phạt 04 năm 06 tháng tù tại Bản án số: 73/2020/HS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Ninh Bình, buộc bị cáo Đỗ Ngọc H phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 13 (Mười ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/6/2020.

**2.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

**3.** Án phí: Các bị cáo Phạm Văn Th và Đỗ Ngọc H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 13/7/2021.

### **Nơi nhận:**

- TAND Cấp Cao (01bản);
- VKSND Cấp cao (01 bản);
- KT NV THA (02bản);
- VKSND tỉnh Ninh Bình (03bản);
- Phòng HSNV – Công an Ninh Bình (01bản);

**TM / HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Đức Hiệp**

- TAND- TPTĐ(08 bản);
- VKSND - TPTĐ (01bản);
- Chi cục THA- TPTĐ (01bản);
- Công an - TPTĐ (01bản);
- Các bị cáo (01bản);
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình (01 bản);
- Lưu hồ sơ, lưu tòa, HCTP (03bản);
- Thông báo chính quyền địa phương b/c.